

Bản án số: 47/2022/DS-PT

Ngày: 05/9/ 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quảng Lực

Các Thẩm phán: Ông Dương Viết Hải

Ông Trần Đức Long

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên;

Ngày 5 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa bị Bị đơn kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1906/2022/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh L, địa chỉ cư trú: Tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thu N, địa chỉ cư trú: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Khánh L trình bày: Ngày 13/3/2021 bà L cho bà Lê Thị Thu N mượn số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng). Hai bên có hẹn thời hạn trả nợ là hai tháng. Tuy nhiên, hết thời hạn theo thỏa thuận, bà N đã không thực hiện việc trả nợ như cam kết, mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà N phải trả số nợ gốc là 1.500.000.000 đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) và số tiền lãi kể từ tháng 5 năm 2021 (ngày hết hạn trả nợ theo cam kết), lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, cũng như quá trình tham gia tố tụng, bà Lê Thị Thu N trình bày: Khoảng giữa năm 2018, bà N có vay của bà L số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để phục vụ cho việc kinh doanh. Sau khi vay, bà N đã trả cho bà L nhiều lần, hình thức trả trực tiếp hoặc chuyển khoản. Cụ thể: Ngày 29/11/2018 chuyển khoản số tiền 6.000.000đ; ngày 07/3/2019 chuyển khoản số tiền 36.000.000đ; tháng 01 năm 2019 trả trực tiếp số tiền 70.000.000đ; tháng 7 năm 2019 trả trực tiếp số tiền 100.000.000đ. Do hai bên có mối quan hệ quen biết, nên khi trả tiền trực tiếp, bà N không yêu cầu bà L ký vào giấy trả nợ. Đến tháng 9 năm 2019, bà N có vay tiếp của số tiền 850.000.000đ, vay nhiều lần, cũng với mục đích kinh doanh. Mỗi lần vay có viết giấy vay riêng. Đến ngày 25/10/2019, bà L yêu cầu bà N viết lại giấy vay mới, với số tiền vay là 1.300.000.000đ, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi vay, cũng như những lần trước, bà N đã trả cho bà L nhiều lần bằng hình thức trả trực tiếp hoặc chuyển khoản. Cụ thể: Tháng 12 năm 2019 trả trực tiếp số tiền 50.000.000đ; ngày 22/01/2020 trả trực tiếp số tiền 67.000.000đ ; ngày 26/3/2020 chuyển khoản số tiền 50.000.000đ; ngày 22/4/2020 chuyển khoản số tiền 20.000.000đ và ngày 09/02/2021 chuyển khoản số tiền 200.000.000đ. Cũng như những lần trước, những lần trả tiền trực tiếp, bà N không yêu cầu bà L ký vào giấy trả nợ. Đến ngày 13/3/2021 bà L yêu cầu bà N viết giấy cam kết trả nợ cho chị L với số tiền 1.500.000.000 đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) là số tiền gốc và lãi mà bà N đã vay trước đó của bà L, hẹn trong vòng 02 tháng trả cho L toàn bộ số tiền gốc và lãi. Đến ngày 03/4/2021 bà L yêu cầu bà N trả trước cho bà L số tiền 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng). Bà N đã mượn của ông Lê Huy T số tiền 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng) để trả cho bà L và có cung cấp tin nhắn điện thoại về việc đã trả cho bà L số tiền 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà bà Nga đã trả cho bà Linh là 899.000.000đ. Vì vậy việc bà L khởi kiện yêu cầu buộc bà N phải trả số tiền 1.500.000.000đ, thì bà N không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3/2022/DS-ST ngày 12/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 13, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh L, buộc bà Lê Thị Thu N phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền 1.654.938.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi tư triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), tiền nợ lãi tính từ tháng 5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2022 là 154.938.000 đồng (một trăm năm mươi tư triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Thu N phải chịu số tiền 30.824.000 đồng (ba mươi triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền tạm ứng án phí 28.500.000đ (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, theo Biên lai số 0003935, ngày 07/9/2021.

Bản án sơ thẩm còn tuyên việc chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, yêu cầu thi hành án, việc bị cưỡng chế thi hành án, vấn đề thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 23/5/2022, bà Lê Thị Thu N kháng cáo, nội dung cho rằng mình đã nhiều lần trả nợ cho bà L với tổng số tiền là 899.000.000 đồng, nên việc Án sơ thẩm buộc bà Nga phải trả cho bà L tổng số tiền gốc và lãi là 1.654.938.000 đồng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, nội dung tóm tắt như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Có căn cứ để xác định số tiền trong giấy mượn tiền ngày 13/3/2021 thực chất là số tiền hai bên chốt lại từ các lần vay trước đó, như lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn là xác định Bị đơn đã có trả cho Nguyên đơn số tiền 612.000.000 đồng, gồm 6 lần chuyển trả cho Nguyên đơn qua tài khoản số 3805205005440 của Nguyên đơn mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Tuyên Hóa-Bắc Quảng Bình với số tiền 312.000.000 đồng và 300.000.000 đồng trả trực tiếp vào ngày 03/4/2021, mà tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Nguyên đơn đã thừa nhận có việc trả số tiền 300.000.000 đồng này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện, cũng như quá trình tham gia tố tụng trước khi phiên tòa sơ thẩm được mở vào ngày 15/5/2022, bà Nguyễn Thị Khánh L có ý kiến cho rằng vào ngày 13/3/2021, bà Lê Thị Thu N có mượn của mình số tiền 1.500.000.000 đồng, hẹn 2 tháng sau sẽ trả lại, nhưng đã không giữ lời hứa, nên bà L khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà N phải trả số tiền trên và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bà L cung cấp bằng chứng của việc mượn số tiền trên là một giấy mượn tiền do bà N viết, trong đó có ghi mượn bà L số tiền 1.500.000.000 đồng.

[2]. Về ý kiến trên của bà L, trong quá trình tham gia tố tụng, bà N có ý kiến phản hồi, thể hiện quan điểm không nhất trí ý kiến trên mà cho rằng Giấy mượn tiền ngày 13/3/2021 là do bà N viết theo yêu cầu của bà L; số tiền 1.500.000.000 nói ở Giấy mượn tiền thực chất là số tiền gốc và lãi mà bà L cho bà N vay nhiều lần trước đó theo cách tính của bà L, và sau khi vay bà N đã nhiều lần trả tiền cho bà L, nên cần phải xác định lại số tiền còn nợ, vì số tiền 1,5 tỷ đồng trên là số tiền vay và lãi mà hai bên xác định vào ngày 13/3/2021, chưa bao gồm số tiền đã trả nhiều lần trước và sau ngày 13/3/2021.

[3]. Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục số 65), khi chủ tọa phiên tòa hỏi: “Chị cho chị N vay số tiền bao nhiêu, vay vào thời gian nào?”, bà L đã trả lời: “Tôi đã cho chị N vay số tiền 1.500.000.000 đồng qua nhiều lần vay, sau đó chốt vào một tờ giấy hẹn 3 tháng sau có trách nhiệm trả nợ nhưng chị N có tiền làm những việc này việc khác nhưng không trả tiền cho tôi”. Lời khai này của bà L là phù hợp với ý kiến trên của bà N. Mặt khác, Giấy mượn tiền ngày 13/3/2021 do bà N viết cũng có điểm không bình thường, đó là chữ viết ghi số tiền mượn được viết nhỏ hơn so với các dòng chữ khác, thể hiện khả năng những chữ này được viết chen thêm sau khi văn bản đã hoàn thành, trong khi những dòng phía trên ở Giấy này lại ghi “số tiền đã ghi ở giấy em L”. Nếu đúng là ngày 13/3/2021, bà N mượn của bà L số tiền 1,5 tỷ đồng thì thông thường giấy mượn tiền không trình bày như vậy. Vì vậy có đủ cơ sở để xác định không có việc vào ngày 13/3/2021 bà Nga mượn bà L số tiền 1.500.000.000 đồng, mà số tiền 1.500.000.000 đồng ghi trong Giấy mượn tiền ngày 13/3/2021 là số tiền vay và lãi được hai bên xác định với nhau vào ngày 13/3/2021, do quá trình trước đó bà L đã nhiều lần cho bà N vay.

[4]. Do đó để xác định số tiền bà N phải trả, không thể căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 13/3/2021 nói trên, mà hai bên đương sự cần phải cung cấp đầy đủ cho Tòa án các khế ước vay, trong đó thể hiện rõ số tiền vay, thời gian vay, thời hạn phải trả, lãi suất; các khoản tiền mà bà N đã trả, trong đó hai bên đã chấp nhận khoản tiền nào là trả nợ gốc, khoản tiền nào là trả nợ lãi để Tòa án tính toán lại. Thế nhưng về phía bị đơn do không nắm giữ các khế ước vay, nên không cung cấp được, chỉ cung cấp được một số tài liệu về việc trực tiếp giao tiền cho phía bị đơn, hoặc chuyển tiền cho bị đơn qua tài khoản ngân hàng; về phía Nguyên đơn không thể hiện sự hợp tác một cách thiện chí, trung thực trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, chỉ cung cấp cho Tòa án một Giấy mượn tiền ngày 13/3/2021 do bà N viết và về Giấy mượn tiền này thì lời khai của Nguyên đơn lại không thống nhất, có lúc thì cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng nói trong Giấy mượn tiền này là số tiền mà Nguyên đơn cho Bị đơn mượn vào ngày 13/3/2021, có lúc thì cho rằng đây là số tiền tổng của nhiều lần vay trước đó. Ngày 21/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Quyết định số 1597/2022/QĐ – UTPP về ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thu thập chứng cứ để làm rõ quá trình vay tiền giữa hai bên, nhằm xác định chính xác khoản tiền mà bị đơn còn nợ, nhưng Nguyên đơn không hợp tác để cung cấp tài liệu theo yêu cầu. Xét thấy việc hủy án sơ thẩm để thu thập thêm chứng cứ sẽ không mang lại kết quả gì, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào tất cả các tài liệu, chứng cứ mà hai bên cung cấp có tại phiên tòa hôm nay để từ đó đưa ra đánh giá và phán quyết phù hợp nhất trong điều kiện không thể thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, đó là xác định có việc bà N nợ bà L tiền gốc và lãi với số tiền 1,5 tỷ đồng và bà N đã trả được cho bà L một phần đối với khoản nợ trên; số tiền 1,5 tỷ đồng ghi trong giấy mượn tiền ngày 13/3/2021 là chưa trừ đi số tiền đã nhiều lần trả trước đó. Cách xác định này là có cơ sở, bởi tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi Bị đơn xuất trình tin nhắn trên điện thoại di động của mình về việc hai bên có nhắn tin cho nhau, nội dung thể hiện bà N đã trả trực tiếp cho bà L số tiền 300.000.000 đồng vào

ngày 03/4/2021, tức là sau ngày bà N viết Giấy mượn số tiền 1,5 tỷ đồng (ngày 13/3/2021), thì bà L đã chấp nhận trừ số tiền 300.000.000 đồng ra khỏi yêu cầu khởi kiện.

[5]. Theo lời khai của bà N, từ tháng 11/2018 cho đến tháng 2/2021, bà N đã 6 lần chuyển tiền để trả cho bà L thông qua tài khoản số 3805205005440 của bà L mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Bắc Quảng Bình để trả nợ, cụ thể việc chuyển tiền như sau:

Ngày 29/11/2018: 6.000.000 đồng;

Ngày 07/3/2019: 25.000.000 đồng và 11.000.0000 đồng;

Ngày 26/3/2020: 50.000.000 đồng;

Ngày 22/4/2020: 20.000.000 đồng;

Ngày 09/2/2021: 200.000.000 đồng.

Ngoài ra bà Nga còn khai có 4 lần trực tiếp trả tiền cho bà L, cụ thể như sau: Tháng 1/2019: 70.000.000 đồng; tháng 7/2019: 100.000.000 đồng; tháng 12/2019: 50.000.000 đồng và ngày 22/01/2020: 67.000.000 đồng. Xét thấy 10 lần bà N khai trả tiền nói trên, có 6 lần tiền được chuyển qua tài khoản của bà L mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Tuyên Hóa- Bắc Quảng Bình là có căn cứ xác thực, bởi vì bà N có cung cấp tài liệu về xác nhận của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Tuyên Hóa- Bắc Quảng Bình đối với việc chuyển tiền này. Những lần khai trả trực tiếp không đủ căn cứ để chứng minh. Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, bà L đã thừa nhận việc bà N có trả nợ số tiền 300 triệu đồng vào ngày 03/4/2021, khi bà N xuất trình cho Hội đồng xét xử tin nhắn trên điện thoại của mình các thông tin liên quan đến việc trả nợ này. Do đó cần chấp nhận một phần lời khai của bà N, theo đó xác định tổng số tiền mà bà N đã trả cho bà Linh là 612.000.000 đồng qua 6 lần bà N chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của bà L với số tiền 312.000.000 đồng và một lần vào ngày 03/4/2021 trả trực tiếp với số tiền 300.000.000 đồng.

[6]. Như vậy, cần sửa án sơ thẩm, theo đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, xác định bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 888.000.000 đồng.

[7]. Do cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, nên theo khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, án phí được xác định như sau:

Bà Lê Thị Thu N thuộc diện được giảm 50% án phí theo quy định tại khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 326 nói trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $50\% \times \{(36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (888.000.000 \text{ đồng} - 800.000.000))\} = 18.132.000 \text{ đồng}$.

Bà Lê Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Khánh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 766.938.000 đồng không được Tòa án chấp nhận là $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (766.938.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 34.677.520 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147,148, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; các Điều 357,466,468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh L, buộc bà Lê Thị Thu N phải trả cho bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền 888.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh L về việc buộc bà Lê Thị Thu N phải trả cho bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền 612.000.000 đồng trong số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Khánh L khởi kiện cho rằng bà Lê Thị Thu N đã mượn của mình và phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh L về việc buộc bà Lê Thị Thu N phải trả cho bà Nguyễn Thị Khánh L với số tiền lãi 154.938.000 đồng của số tiền 1.500.000.000 đồng, tính từ tháng 5/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2022).

2. Bà Lê Thị Thu N phải chịu 18.132.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Khánh L phải chịu 34.677.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thu N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo Biên lai số 0000089, ngày 26/5/2022, nên số tiền này được trừ vào số tiền án phí phải chịu nói trên, số tiền còn phải nộp tiếp là 17.832.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Khánh L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 28.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, theo Biên lai số 0003935 ngày 07/9/2021, nên số tiền này trừ vào số tiền án phí phải chịu nói trên, số tiền còn phải nộp tiếp là 6.177.520 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (do đây là trường hợp các bên không có thỏa thuận).

Trong trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- TAND huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Quảng Lực